TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 23 - 01 - 2025
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Quý
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Sang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1966;
Địa chỉ: ấp L, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh
- Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1963;
Địa chỉ: ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày và yêu cầu như sau:

Năm 1996 bà và ông T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới nhưng vì không hiểu biết pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Năm 1998 bà và ông Tâm S được 01 người con chung tên Đỗ Thị Diễm M, việc chung sống vẫn ổn định đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn rồi vợ chồng chia tay nhau, ông T có gia đình khác từ đó đến nay không còn qua lại. Nay vì để đảm bảo không còn liên quan đến nhau về mặt luật pháp, bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và Đỗ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Đỗ Thị Diễm M đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết
Về nợ chung: không có

** Bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày và có yêu cầu như sau:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim H1 về việc ông và bà H1 có cưới nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống ông và bà H1 có một người con chung nhưng do mâu thuẫn nên không thể sống chung từ năm 2024 đến nay là 20 năm. Vì vậy đối với đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H1 thì ông hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Đỗ Thị Diễm M đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.
Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết
Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự và Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy: Bà Trần Thị Kim H và ông Đỗ Văn T sống chung như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có 01 người con chung Đỗ Thị Diễm M, sinh năm 1998. Cả hai ông bà đều thừa nhận quá trình chung sống kéo dài đến năm 2004 thì chấm dứt việc sống chung do mâu thuẫn gia đình. Từ năm 2004 đến nay ông T đã có gia đình khác. Nay ông bà cùng yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông bà là vợ chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy việc sống chung như vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim H và ông Đỗ Văn T mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận bà Trần Thị Kim H và ông Đỗ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Đỗ Thị Diễm M, sinh năm 1998 đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.
Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.
Về nợ chung: Đương sự tự khai không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bà Trần Thị Kim H có nghĩa vụ chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Không công nhận bà Trần Thị Kim H và ông Đỗ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Con chung Đỗ Thị Diễm M, sinh năm 1998 đã thành niên và có đủ năng lực hành vi dân sự, không ai có yêu cầu gì nên không đặt ra giải quyết.
Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.
Về nợ chung: Đương sự tự khai không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tại biên lai thu tiền số: 001095 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên bà Trần Thị Kim H không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang